

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Bảo hiểm

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Bảo hiểm Mã số: 7340204

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTCTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

MT1: Đào tạo người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, ngoại ngữ và tin học. Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và tài chính ngân hàng; Cử nhân Bảo hiểm có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm gồm: các quy trình quản lý, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; Quy trình khai thác, ký kết, quản lý hợp đồng bảo hiểm thương mại; Giám định tổn thất, bồi thường thiệt hại và định phí phẩm bảo hiểm; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

1.2.2. Về kỹ năng

MT2: MT2: Đào tạo người học thành thạo kỹ năng thực hành, có khả năng sáng tạo, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm. Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực ngoại ngữ tin học và các kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu nhân sự ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường.

MT3: Đào tạo người học khả năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch tự học, tự

nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng phối hợp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong công việc.

1.2.3. Về thái độ

MT4: Giúp người học xác định nghề nghiệp rõ ràng, chủ động đề xuất các giải pháp về chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

MT5: Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp. Có kế hoạch không ngừng học hỏi, trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.

1.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ:

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- CDR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực

- CDR2: Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

- CDR3: Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.

- CDR4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT – BTTTT)

- CDR5: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

- CDR6: Có khả năng hiểu, giải thích, phân tích các hiện tượng kinh tế, quy luật kinh tế, các chính sách kinh tế. Có khả năng thu thập và xử lý, phân tích số liệu thống kê kinh tế, hiểu và vận dụng nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và quản trị doanh nghiệp.

- CDR7: Hiểu các nguyên lý, kiến thức về tài chính, tiền tệ, bảo hiểm; ngân hàng; hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; có khả năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế.

- CDR8: Hiểu và phân tích, đánh giá các hoạt động cơ bản lĩnh vực bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ....

- CDR9: Áp dụng và phân tích những vấn đề thực tiễn các kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính và bảo hiểm toàn cầu, hoạt động quản lý rủi ro bằng bảo hiểm trong các doanh nghiệp.

- CDR10: Có khả năng đánh giá, phân tích, xây dựng quy trình đối với các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực bảo hiểm ...

- CDR11: Phân tích và lập kế hoạch hoạt động quản trị nghiệp vụ, tài chính, đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, hoạt động tư vấn quản trị rủi ro – hoạch định tài chính cho các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế – xã hội, ...

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- CDR12: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư.

- CDR13: Kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc, nghiên cứu các vấn đề cơ bản và chuyên sâu liên quan tới chuyên môn và ra quyết định trong hoạt động quản trị tại các đơn vị trong ngành Bảo hiểm.

- CDR14: Áp dụng tốt kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin chuyên ngành làm cơ sở để ra các quyết định tài chính, bảo hiểm...; có khả năng hoàn thành tốt các công việc chuyên môn khác;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR15: Kỹ năng giao tiếp: Thành thạo kỹ năng giao tiếp, tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công;

- CDR16: Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe;

- CDR17: Kỹ năng tư duy, làm việc độc lập: có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập; có kỹ năng quản lý thời gian và quản trị công việc.

- CDR18: Kỹ năng làm việc theo nhóm: có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm;

- CDR19: Khả năng sử dụng tin học và ngoại ngữ lĩnh vực Bảo hiểm

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR20: Có tư duy sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- CDR21: Có khả năng nghiên cứu khoa học; tự học hỏi; có năng lực phán xét, phân biệt sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học, phù hợp pháp luật;

- CDR22: Trách nhiệm nghề nghiệp: Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ.

- CDR23: Trách nhiệm xã hội: Có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, các tổ chức tín dụng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài nước.

- Tại các công ty bảo hiểm:

Vị trí: Tư vấn viên bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, chuyên viên giám định bảo hiểm, chuyên viên giám sát...

- Tại khối các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp;

Vị trí: Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

- Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính;...và các tổ chức tài chính quốc tế...

Vị trí: chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường,...

- Tại khối các doanh nghiệp: Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia...

Vị trí: chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

- **Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập...

Vị trí: giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên...

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp trong nước và quốc tế,...

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR)																						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
MT1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x												
MT2												x	x	x	x	x	x	x	x				
MT3												x	x	x	x	x	x	x	x				
MT4																				x	x	x	x
MT5																				x	x	x	x
MT6				x																			
MT7				x	x																		

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phân lý thuyết 68 tín chỉ
 - Phân thực hành, thực tập, đồ án 21 tín chỉ
 - Khóa luận tốt nghiệp 9 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình:

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mác-lê-nin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Nhân văn - Nghệ thuật		0		
	1.4. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36,18,90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36,18,90)	x
	1.5. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.6. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002337	2. Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	TCNH-BH	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.7. Giáo dục thể chất	GDTC	4		x
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.8. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)		98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		23		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		18		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000568	3. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001717	5. Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001109	6. Tài chính - Tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001957	7. Nguyên lý bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
	2.1.1. Kiến thức tự chọn		5		
000567	8. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001153	9. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001743	10. Thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	
001195	11. Kinh tế lượng	DLKS	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		50		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		44		
000531	1. Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
000913	2. Tiểu luận 1	TCNH-BH	2	(0,120,0)	x
000524	3. Ngân hàng thương mại	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001394	4. Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH-BH	3	(0,90,90)	x
001112	5. Thực hành: Ngân hàng thương mại	TCNH-BH	3	(0,90,90)	x
002338	6. An sinh xã hội	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001393	7. Thị trường chứng khoán	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002339	8. Bảo hiểm nhân thọ	TCNH-BH	3	(26,8,60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002340	9. Bảo hiểm phi nhân thọ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002341	10. Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
000533	11. Tài chính quốc tế	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002342	12. Bảo hiểm hàng hải	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002343	13. Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ	TCNH-BH	3	(0,90,90)	x
001588	14. Bảo hiểm thương mại	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001583	15. Bảo hiểm xã hội	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn	6			
002344	1. Quản trị kinh doanh bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002345	2. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001293	3. Đầu tư tài chính	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001593	4. Định giá tài sản	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001111	5. Tài chính công	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001294	6. Thẩm định tín dụng	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001295	7. Thị trường công cụ phái sinh	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001597	8. Lập và phân tích dự án đầu tư	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	25			
002346	1. Tái bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002347	2. Thực hành: Bảo hiểm xã hội	TCNH-BH	3	(0,90,90)	x
001594	3. Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	TCNH-BH	2	(0,120,0)	x
002348	4. Quản trị rủi ro bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002349	5. Thực Tập Cuối Khóa - BH	TCNH-BH	5	(0/300/0)	x
002350	6. Khóa luận tốt nghiệp - BH	TCNH-BH	9	(0/540/0)	
002351	7. HPTT1: Giám định bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002352	8. HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001584	9. HPTT3: Định phí bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long